

DANH SÁCH SINH VIÊN CÒN NỢ HỌC KỲ HÈ 2024-2025

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ
1	BABAW18196	Nghiêm Thị Phương Liên	19,550,000	-	-	19,550,000
2	BABAUN23006	Nguyễn Tiến An	1,350,000	1,350,000	948,380	948,380
3	ITITWE19012	Nguyễn Võ Thanh Tâm	11,250,000	-	-	11,250,000
4	ITITIU19212	Trần Anh Thi	375,000	-	-	375,000
5	ITITIU19178	Nguyễn Sỹ Phi	13,050,000	13,000,000	909,298	959,298
6	ITITDK23030	Phạm Phúc Nguyên	1,350,000	-	(9,500)	1,340,500
7	ITITDK23038	Hoàng Công Gia Huy	1,350,000	-	-	1,350,000
8	BABAW19158	Bùi Minh Thư	6,150,000	5,500,000	624	650,624
9	BABAW19249	Phạm Thị Như Mai	2,200,000	2,000,000	767,052	967,052
10	BABAW19244	Nguyễn Quốc Khánh	11,250,000	-	-	11,250,000
11	BABAIU19148	Nguyễn Công Danh	13,050,000	-	-	13,050,000
12	BABAIU19069	Nguyễn Đại Nguyên	750,000	-	(200)	749,800
13	BABAW20183	Phạm Ngọc Thủy Tiên	22,500,000	-	-	22,500,000
14	BABAW20277	Trương Trần Thủy Tiên	24,650,000	24,500,740	(4,662)	144,598
15	BABAW20259	Nguyễn Tú Hà Khanh	11,250,000	10,686,780	-	563,220
16	BABAIU20114	Lê Thị Quỳnh Như	1,100,000	1,100,000	948,017	948,017
17	BABAIU20474	Đặng Quốc Bảo	8,700,000	7,800,000	-	900,000
18	BABAIU20345	Nguyễn Minh Thùy	4,350,000	4,500,000	500,000	350,000
19	BABAIU20496	Trịnh Mỹ Linh	4,350,000	-	680,400	5,030,400
20	BABAW21458	Phạm Hoàng Quỳnh Anh	11,250,000	10,250,000	-	1,000,000
21	BABAW21676	Nguyễn Đỗ Cao Kỳ	11,250,000	11,000,000	(5,375)	244,625
22	BABAW21762	Nguyễn Hồng Minh Phương	6,150,000	6,000,000	(158)	149,842
23	BABAW21770	Võ Hồng Ngọc	23,600,000	23,400,000	-	200,000
24	BABAW21456	Lê Hoàng Quỳnh Anh	11,250,000	-	992,164	12,242,164
25	BABAW21512	Phùng Quang Huy	11,250,000	-	-	11,250,000
26	BABAW21522	Trần Minh Khoa	19,550,000	-	-	19,550,000
27	BABAW21692	Mã Hồng Lan	12,350,000	11,550,000	(5,786)	794,214
28	BABAW21744	Nguyễn Ngọc Phương Thư	11,250,000	11,250,000	830,796	830,796
29	BABAW21579	Hoàng Văn Minh Nhật	29,750,000	29,750,000	865,748	865,748
30	BABAIU21537	Lê Ngọc Phương Thùy	4,350,000	4,500,000	999,626	849,626
31	BABAIU21314	Dương Đạt	8,700,000	-	(84,960)	8,615,040
32	BABAIU21528	Tôn Trần Anh Thư	4,350,000	4,000,000	236,346	586,346
33	BABAIU21598	Trịnh Ngọc Yến	4,350,000	4,136,780	(286)	212,934
34	BABAIU21153	Tô Thành Phước	8,700,000	-	-	8,700,000

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ
35	BABAIU21521	Ngô Khả Thiên	4,350,000	-	160,080	4,510,080
36	BABAIU21366	Phạm Trần Tiến Đạt	375,000	-	-	375,000
37	BABAIU21117	Trần Khánh Hưng	4,350,000	-	-	4,350,000
38	BABAW22086	Trần Thảo Nguyên	7,250,000	6,300,000	(53,240)	896,760
39	BABAW22317	Nguyễn Thùy Tố My	8,750,000	-	-	8,750,000
40	BABAW22345	Lê Thái Uyên	23,550,000	22,550,000	-	1,000,000
41	BABAW22404	Trần Hồ Yến Vy	2,200,000	1,511,762	-	688,238
42	BABAW22406	Nguyễn Huỳnh Thục Đoan	11,250,000	10,300,000	-	950,000
43	BABAW22436	Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên	18,450,000	18,450,000	884,520	884,520
44	BABAW22353	Bùi Duy Minh	18,500,000	18,500,000	680,400	680,400
45	BABAW22087	Lê Thị Yến Nhi	11,250,000	-	-	11,250,000
46	BABAW22358	Đinh Ngọc Khánh	11,250,000	-	689,700	11,939,700
47	BABAW22393	Phùng Dương Trúc Quyên	11,250,000	-	(1,354)	11,248,646
48	BABAW22411	Nguyễn Diệu My	22,500,000	22,000,000	-	500,000
49	BABAIU22422	Phan Thị Ngọc Trinh	4,900,000	4,900,000	293,480	293,480
50	BABAIU22483	Nguyễn Thái Gia Khang	17,400,000	17,178,870	-	221,130
51	BABAIU22556	Phạm Phương Oanh	4,350,000	4,276,290	-	73,710
52	BABAIU22415	Đặng Lê Quỳnh Như	4,350,000	4,300,000	-	50,000
53	BABAIU22412	Trần Văn Lộc	4,350,000	3,669,600	-	680,400
54	BABAIU22535	Trần Khánh Vân	6,550,000	5,600,000	(404)	949,596
55	BABAIU22299	Phạm Xuân Huyền	1,350,000	1,000,000	-	350,000
56	BABAIU22340	Nguyễn Trần Thanh Hà	5,825,000	5,825,000	884,520	884,520
57	BABAIU22420	Nguyễn Thu Hòa	14,775,000	14,750,000	-	25,000
58	BABAIU22548	Trần Đức Duy	5,825,000	5,800,000	40	25,040
59	BABAIU22615	Bùi Thị Lan Hương	10,350,000	10,250,000	(46,707)	53,293
60	BABAIU22617	Lê Tấn Phát	10,900,000	10,900,000	493,654	493,654
61	BABAIU22331	Nguyễn Vũ Thảo Vân	17,400,000	17,400,000	240,120	240,120
62	BABAIU22366	Nguyễn Thị Thúy Hiền	10,075,000	-	-	10,075,000
63	BABAIU22584	Nguyễn Quốc Khánh	9,250,000	8,500,000	-	750,000
64	BABAIU22681	Lê Thị Thu Phương	13,050,000	13,000,000	-	50,000
65	BABAIU22322	Lê Phương Quỳnh	8,700,000	8,700,000	280,140	280,140
66	BABAIU22413	Nguyễn Thùy Anh	5,450,000	6,000,000	884,520	334,520
67	BABAIU22386	Vương Quốc Thái	4,350,000	4,350,000	200,100	200,100
68	BABAIU22510	An Bình Minh	8,975,000	8,400,000	201,174	776,174
69	BABAIU22559	Lê Đức Khánh Nguyên	10,900,000	10,015,480	-	884,520
70	BABAIU22563	Nguyễn Bảo Quỳnh Uyên	6,550,000	5,665,480	-	884,520
71	BABAIU22565	Trần Hồ Trâm Anh	8,700,000	8,700,000	221,130	221,130
72	BABAIU22577	Trần Tiến Khoa	4,350,000	3,600,000	-	750,000
73	BABAIU22293	Trần Nguyễn Thu Minh	4,350,000	4,350,000	646,295	646,295

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ	
74	BABAIU22376	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	8,975,000	8,975,000	893,840	893,840
75	BABAWE23053	Hoàng Minh	Phong	1,350,000	1,000,000	431,154	781,154
76	BABAWE23115	Trần Nguyễn Hoàng	Kim	1,350,000	-	(1,215,480)	134,520
77	BABAWE23117	Lê Tuấn	Kiệt	1,350,000	1,350,000	884,520	884,520
78	BABAWE23121	Đỗ Ngọc Thanh	Tâm	1,350,000	1,350,000	884,520	884,520
79	BABAAD23040	Nguyễn Như Bảo	Ngọc	1,350,000	1,500,000	990,648	840,648
80	BABAIU23001	Võ Đức Bảo	An	1,350,000	-	-	1,350,000
81	BABAIU23031	Nguyễn Việt	Bắc	1,350,000	1,350,000	48,532	48,532
82	BABAIU23213	Châu Ngọc	Phụng	1,350,000	1,300,000	-	50,000
83	BABAIU23141	Nguyễn Kiều	Loan	1,350,000	1,300,000	900,746	950,746
84	BABAIU23167	Ngô Lê Phương	Nghi	1,350,000	1,350,000	14,247	14,247
85	BABAIU23115	Trần Đình Đăng	Khoa	1,350,000	-	-	1,350,000
86	BABAIU23221	Đặng Minh	Quân	1,350,000	1,300,000	(394)	49,606
87	BABAIU23351	Trần Khánh	Hoàng	1,350,000	1,165,852	-	184,148
88	BABAIU23352	Nguyễn Đức	Nam	1,350,000	-	(354,225)	995,775
89	BABAIU23288	Chung Lê Hoàng	Trang	1,350,000	1,217,314	-	132,686
90	BABASY23023	Lưu Thiên	Tú	1,350,000	-	(1,167,069)	182,931
91	BABASY23039	Nguyễn Sĩ Trường	Phát	1,350,000	-	-	1,350,000
92	BABAWE24029	Đặng Diệu	Châu	8,750,000	8,086,610	-	663,390
93	BABAAD24035	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	29,250,000	29,000,000	542,290	792,290
94	BABAIU24136	Bùi Thùy	Linh	2,850,000	-	(2,211,920)	638,080
95	BABAIU24138	Nguyễn Lâm Thùy	Linh	2,850,000	-	(2,470,000)	380,000
96	BABAIU24010	Lý Hồ	Anh	4,625,000	4,500,000	(74,337)	50,663
97	BEBEIU19083	Nguyễn Hữu Thiện	Mỹ	10,150,000	10,100,000	-	50,000
98	BEBEIU19117	Nguyễn Thành	Trung	275,000	-	-	275,000
99	BEBEIU20164	Bùi Trí	Dũng	6,075,000	5,275,000	-	800,000
100	BEBEIU20238	Nguyễn Huỳnh Trúc	Quân	5,800,000	5,800,000	807,164	807,164
101	BEBEIU20244	Mai Tiến	Thành	4,350,000	-	-	4,350,000
102	BEBEIU20228	Đào Duy	Phát	5,800,000	4,800,000	(819)	999,181
103	BEBEIU21245	Nguyễn Hoàng Thảo	Nghi	4,350,000	4,300,000	(33,493)	16,507
104	BEBEIU21227	Trần Lê Minh	Khuê	4,350,000	3,000,000	-	1,350,000
105	BEBEIU21268	Nguyễn Khắc	Tâm	4,625,000	4,000,000	-	625,000
106	BEBEIU21091	Phạm Thị Hồng	Ngọc	4,350,000	3,800,000	-	550,000
107	BEBEIU22220	Bùi Quốc	Phong	2,900,000	2,000,000	-	900,000
108	BEBEIU22135	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	4,350,000	3,500,000	-	850,000
109	BEBEIU22191	Giang Ngọc Phương	Thanh	4,350,000	4,350,000	71,764	71,764
110	BEBEIU22275	Nguyễn Thiện	Tôn	4,350,000	4,350,000	884,520	884,520
111	BEBEIU23008	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	4,250,000	4,200,000	955	50,955
112	BEBEIU23010	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	4,250,000	4,100,942	(93,058)	56,000

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ	
113	BEBEIU23075	Trần Thị Thanh	Hàng	4,250,000	4,302,000	838,043	786,043
114	BEBEIU24037	Trần Nam	Khánh	687,500	-	(44,350)	643,150
115	BEBEIU24046	Nguyễn Thanh	Long	687,500	-	-	687,500
116	BEBEIU24069	Phạm Ngọc	Thanh	687,500	-	-	687,500
117	BEBEIU24098	Trần Kim	Yến	275,000	-	-	275,000
118	BTBCIU20082	Cao Nguyễn Ngọc	Nhi	375,000	-	4,000	379,000
119	BTBCIU22093	Vũ Thị Thanh	Thủy	4,400,000	4,400,000	875,300	875,300
120	BTBCIU23001	Huỳnh Diệu	Ái	1,350,000	1,300,000	663,390	713,390
121	BTBCIU23012	Trần Mai Bảo	Ngọc	1,350,000	1,350,000	884,520	884,520
122	BTBTIU19180	Võ Thị Hoàng	Anh	17,400,000	-	-	17,400,000
123	BTBTIU19137	Trần Hoàng Cát	Tường	7,250,000	7,017,400	330,620	563,220
124	BTBTIU19171	Nguyễn Hoàng Quốc	Vũ	4,350,000	4,300,000	(784)	49,216
125	BTBTIU20156	Nguyễn Hoàng	Anh	2,900,000	2,652,000	687,775	935,775
126	BTBTIU20220	Hoàng Nguyễn Đình	Quân	6,900,000	6,000,000	88,035	988,035
127	BTBTIU20247	Hoàng Diễm Tường	Vi	8,000,000	7,967,000	867,160	900,160
128	BTBTIU20269	Lê Thị Ánh	Tuyết	4,000,000	3,400,000	334,231	934,231
129	BTBTIU21107	Đặng Tuyết	Trân	2,900,000	2,900,000	253,460	253,460
130	BTBTIU21139	Văn Trung	Kiên	2,900,000	2,000,000	(884,470)	15,530
131	BTBTIU21001	Trần Minh	Anh	2,900,000	2,900,000	23,392	23,392
132	BTBTIU21196	Nguyễn Ngọc Ngân	Hà	375,000	-	-	375,000
133	BTBTIU21281	Nguyễn Ngọc Minh	Hậu	6,075,000	6,000,000	-	75,000
134	BTBTIU22261	Lê Thị Ngọc	Ái	2,750,000	1,760,000	-	990,000
135	BTBTIU22324	Hồ Nguyễn Tố	Uyên	4,350,000	4,350,000	700,000	700,000
136	BTBTIU22152	Ngô Hiếu	Thiên	2,750,000	1,800,000	(4,546)	945,454
137	BTBTIU22275	Ngô Ý	Vy	5,800,000	4,800,000	-	1,000,000
138	BTBTWE23040	Lê Thị Hoàng	Mai	1,350,000	465,480	-	884,520
139	BTBTIU23037	Đinh Thiên Bảo	Kha	1,350,000	400,000	(211)	949,789
140	BTBTIU23038	Hồ Nguyễn Mai	Kha	1,350,000	1,350,000	929,000	929,000
141	BTBTIU23041	Phạm Thị Vân	Kiều	1,350,000	500,000	129,422	979,422
142	BTBTIU23094	Huỳnh Thanh	Vân	1,350,000	1,350,000	604,000	604,000
143	BTBTIU23024	Lê Vũ Hoàng	Dung	1,350,000	1,202,580	-	147,420
144	BTBTIU24130	Phạm Đại	Vương	10,900,000	10,000,000	30	900,030
145	BTBTIU24044	Nguyễn Hoàng Gia	Khanh	5,037,500	-	(1,714,409)	3,323,091
146	BTFTIU17021	Phan Thụy Yến	Như	1,450,000	1,450,000	680,400	680,400
147	BTFTIU21125	Phạm Thị Thanh	Thảo	1,100,000	429,000	129,370	800,370
148	BTFTIU21080	Nguyễn Thị Diễm	Trúc	4,350,000	3,700,000	(67,402)	582,598
149	BTFTIU21137	Nguyễn Tiến	Anh	4,350,000	4,300,000	2,086	52,086
150	BTFTIU21168	Võ Huỳnh Anh	Khôi	7,250,000	7,000,000	464	250,464
151	BTFTIU21196	Trần Lê Anh	Thư	1,100,000	-	(147,420)	952,580

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ	
152	BTFTIU22049	Mai Quý	Khang	6,900,000	6,900,000	884,520	884,520
153	BTFTIU22169	Đặng Bích	Anh	275,000	-	-	275,000
154	CECMIU22034	Nguyễn Vũ Hoàng	Nam	8,975,000	8,000,000	400	975,400
155	BTCEIU20090	Nguyễn Nhật Yến	Vy	2,900,000	2,900,000	947,200	947,200
156	BTCEIU21100	Nguyễn Thị Kim	Ngân	5,100,000	4,101,000	-	999,000
157	BTCEIU21034	Đào Uyên	Nhi	2,900,000	2,900,000	317,835	317,835
158	BTCEIU21070	Đặng Phương	Quỳnh	2,900,000	2,440,000	536,018	996,018
159	BTCEIU21113	Trần Vinh	Quang	2,900,000	2,900,000	947,200	947,200
160	CHCEIU22006	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	10,350,000	9,953,100	-	396,900
161	CHCEIU22007	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hân	9,450,000	8,950,000	495,442	995,442
162	CHCEIU23010	Danh Linh	Đang	1,350,000	1,000,000	(7,557)	342,443
163	CHCEIU23025	Phan Thị Thanh	Mai	1,350,000	1,400,000	66,166	16,166
164	CHCEIU23032	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	1,350,000	1,350,000	88,605	88,605
165	CHCEIU23037	Vũ Thái	Sơn	1,350,000	1,300,000	(1,808)	48,192
166	CHCEIU23046	Trần Hoàng Thanh	Trúc	1,350,000	1,350,000	884,520	884,520
167	CHCEIU23004	Mai Nguyễn Ngọc	Anh	1,350,000	1,257,000	721,214	814,214
168	CHCEIU24029	Nguyễn Hoàng	Long	11,375,000	-	(655)	11,374,345
169	EEACIU19066	Lê Nguyễn Phương	Trang	4,350,000	-	-	4,350,000
170	EEACIU19050	Huỳnh Nhật	Nam	3,175,000	-	(602,562)	2,572,438
171	EEACIU20054	Nguyễn Thành	Bảo	10,150,000	10,100,000	44,708	94,708
172	EEACIU20033	Nguyễn Hoàng	Sơn	4,350,000	3,500,000	62,999	912,999
173	EEACIU20056	Ngô Quang	Đại	4,350,000	4,300,000	(31,392)	18,608
174	EEACIU21095	Ngô Quý	Danh	2,900,000	2,900,000	970,628	970,628
175	EEACIU21122	Trần Minh	Khôi	8,550,000	-	(7,824,230)	725,770
176	EEACIU21139	Bùi Minh	Quân	4,350,000	3,352,000	-	998,000
177	EEACIU21156	Huỳnh Khánh	Toàn	4,350,000	4,350,000	563,220	563,220
178	EEACIU21080	Huỳnh Phúc	Đạt	375,000	-	-	375,000
179	EEACIU22030	Phan Quốc	Dũng	12,975,000	12,000,000	(112)	974,888
180	EEACIU22049	Nguyễn Phạm Việt	Huy	6,350,000	5,469,500	-	880,500
181	EEACIU22139	Nguyễn Đình Uyên	Vy	8,975,000	8,150,000	75,365	900,365
182	EEACIU22162	Trần Hữu	Khang	4,350,000	3,819,600	385,159	915,559
183	EEACIU22188	Huỳnh Nguyên	Khoa	2,200,000	2,200,000	926,640	926,640
184	EEACIU22200	Nguyễn Duy	Khánh	11,875,000	11,875,000	334,105	334,105
185	EEACIU22170	Phan Tiến	Đạt	2,900,000	2,900,000	990,236	990,236
186	EEACIU22223	Nguyễn Minh	Duy	275,000	275,000	200,100	200,100
187	EEACIU22228	Nguyễn Tân Hồng	Dương	10,150,000	10,150,000	658,533	658,533
188	EEACIU23048	Nguyễn Hoàng Thiên	Phú	1,350,000	800,000	(1,802)	548,198
189	EEACIU23078	Nguyễn Ngọc	Hồi	1,350,000	1,350,000	40,000	40,000
190	EEACIU23088	Lê Nhật	Minh	1,350,000	1,350,000	884,520	884,520

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ	
191	EEACIU23008	Võ Hoàng Gia	Bảo	1,350,000	1,200,000	-	150,000
192	EEACIU23059	Phạm Quang	Tiến	1,350,000	1,500,000	413,356	263,356
193	EEACIU23002	Nguyễn Tấn Thiên	Ấn	1,350,000	-	-	1,350,000
194	EEACIU23034	Nguyễn Trần Minh	Khoa	1,350,000	-	-	1,350,000
195	EEACIU24125	Nguyễn Đình	Văn	10,900,000	10,900,000	884,520	884,520
196	EEACIU24007	Phạm Dương Tuấn	Anh	10,900,000	-	(10,191,095)	708,905
197	EEACIU24115	Đoàn Vũ Minh	Triết	10,900,000	-	(1,364,350)	9,535,650
198	EEEEIU19003	Đàm Vĩnh	Hào	5,800,000	5,800,000	247,652	247,652
199	EEEEIU22066	Trần Bảo	Phúc	11,975,000	11,000,000	-	975,000
200	EEEEIU22003	Phạm Hải	Bắc	11,250,000	-	-	11,250,000
201	EEEEIU24010	Trương Ngọc	Bảo	11,375,000	-	-	11,375,000
202	EEEEIU24060	Lý Hồng	Phúc	10,900,000	10,900,000	663,390	663,390
203	BAACIU20123	Phạm Thanh	Hằng	275,000	137,500	11,775,088	11,912,588
204	BAACIU20126	Phan Gia	Hưng	1,100,000	1,100,000	99,008	99,008
205	BAACIU21095	Trần Trà	My	8,700,000	8,700,000	160,080	160,080
206	BAFNIU19164	Phạm Thị Thiên	Thảo	5,450,000	5,400,000	938,695	988,695
207	BAFNIU19060	Phạm Thảo	Anh	375,000	-	(468)	374,532
208	BAFNIU20451	Trần Phạm Thanh	Trúc	4,350,000	4,000,000	405,348	755,348
209	BAFNIU20466	Tạ Ngọc Yến	Vi	275,000	-	-	275,000
210	BAFNIU20422	Phan Thị Phương	Thảo	4,350,000	-	-	4,350,000
211	BAFNIU20401	Trương Nguyễn Minh	Quân	650,000	-	(644)	649,356
212	BAFNIU20416	Trần Hữu	Thành	9,800,000	9,000,000	-	800,000
213	BAFNIU20402	Lê Phú	Quang	8,700,000	-	80,040	8,780,040
214	BAFNIU21516	Nguyễn Thái Thanh	Nhân	4,350,000	4,200,000	563,220	713,220
215	BAFNIU21250	Ngô Anh	Thư	4,350,000	-	-	4,350,000
216	BAFNIU21464	Nguyễn Minh	Khoa	8,700,000	8,682,000	981,064	999,064
217	BAFNIU21545	Vũ Thị	Phương	2,200,000	2,200,000	683,596	683,596
218	BAFNIU21531	Trần Thị Hồng	Nhung	4,350,000	4,000,000	-	350,000
219	BAFNIU21553	Hoàng Đình Thanh	Quyên	14,150,000	14,000,000	(826)	149,174
220	BAFNIU21590	Huỳnh Phan Nhã	Thư	9,075,000	9,075,000	280,140	280,140
221	BAFNIU21595	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	6,825,000	6,000,000	(542)	824,458
222	BAFNIU21542	Đỗ Nguyên	Phương	750,000	-	-	750,000
223	BAFNIU21394	Nguyễn Minh	Anh	4,350,000	-	(1,254)	4,348,746
224	BAFNIU21451	Nguyễn Hữu	Huy	4,350,000	3,500,000	-	850,000
225	FAACIU22003	Phan Ngọc Tú	Anh	6,550,000	6,450,000	-	100,000
226	FAACIU22015	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	11,375,000	11,283,600	(1,455)	89,945
227	FAACIU22026	Lê Thị	Huệ	5,450,000	5,000,000	-	450,000
228	FAACIU22037	Nguyễn Thị Xuân	Mai	11,175,000	10,290,480	-	884,520
229	FAACIU22070	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	8,975,000	8,295,272	-	679,728

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ
230	FAACIU22091	Phạm Lin Đan	10,900,000	10,900,000	884,520	884,520
231	FAACIU22071	Trần Nguyễn Khánh Vy	13,050,000	13,050,000	998,248	998,248
232	FAACIU22042	Bùi Hoàng Nam	13,325,000	13,300,000	-	25,000
233	FAACIU22060	Vũ Phương Thảo	8,700,000	8,200,000	-	500,000
234	FAACIU23040	Nguyễn Xuân Thành	1,350,000	1,550,000	811,349	611,349
235	FAACIU23070	Đặng Ngọc Thùy Trang	1,350,000	1,350,000	884,520	884,520
236	FAACIU23073	Trần Mỹ Hằng	1,350,000	-	(564,700)	785,300
237	FAACIU23021	Huỳnh Đoàn Trúc Ly	1,350,000	1,890,000	584,887	44,887
238	FAACIU24003	Bùi Thụy Xuân Anh	2,850,000	1,875,000	-	975,000
239	FAACIU24024	Đỗ Phương Khanh	2,850,000	-	(2,470,000)	380,000
240	FAACIU24044	Nguyễn Anh Thư	2,850,000	-	(2,469,104)	380,896
241	FAECIU23028	Nguyễn Thị Hoàng Trân	1,350,000	1,000,000	808	350,808
242	FAECIU23007	Võ Thái Ánh Dương	1,350,000	-	-	1,350,000
243	FAECIU23017	Trần Mai Phương	1,350,000	1,159,100	-	190,900
244	FAECIU23045	Nguyễn Phạm Hoàng Vương	1,350,000	500,000	27	850,027
245	FAECIU23047	Huỳnh Thị Như Quỳnh	1,350,000	1,500,000	412,699	262,699
246	FAECIU24012	Ngô Nguyễn Gia Bảo	2,850,000	1,485,650	(479,830)	884,520
247	FAFBIU22103	Trần Quang Minh	4,350,000	4,350,000	680,400	680,400
248	FAFBIU22187	Huỳnh Trương Đăng Thư	4,350,000	4,350,000	200,100	200,100
249	FAFBIU22011	Đỗ Thị Vân Anh	5,725,000	5,725,000	90,998	90,998
250	FAFBIU22111	Nguyễn Thu Nga	9,800,000	8,915,480	-	884,520
251	FAFBIU22149	Võ Thành Phát	10,900,000	10,900,000	263,460	263,460
252	FAFBIU22207	Nguyễn Công Triết	10,700,000	9,814,495	(985)	884,520
253	FAFBIU22270	Trần Thị Quỳnh Như	10,562,500	9,707,000	-	855,500
254	FAFBIU22018	Đặng Trang Anh	5,725,000	5,328,100	-	396,900
255	FAFBIU22065	Hà Huy Hoàng	8,700,000	8,700,000	254,372	254,372
256	FAFBIU22091	Lê Gia Linh	10,900,000	10,100,000	-	800,000
257	FAFBIU22186	Lê Nguyễn Anh Thư	8,700,000	-	-	8,700,000
258	FAFBIU22160	Lê Trần Anh Quỳnh	4,350,000	4,350,000	240,120	240,120
259	FAFBIU22227	Nguyễn Vũ Tường Vi	10,075,000	10,000,000	(55,560)	19,440
260	FAFBIU22228	Nguyễn Nguyên Việt	4,350,000	4,350,000	160,080	160,080
261	FAFBIU22120	Trương Bảo Ngọc	4,350,000	5,000,000	979,056	329,056
262	FAFBIU22262	Nguyễn Ngọc Minh Tú	8,700,000	6,153,360	(1,662,120)	884,520
263	FAFBIU22150	Lưu Duy Thịnh Phát	4,350,000	4,350,000	889,453	889,453
264	FAFBIU23005	Lê Tuấn Anh	1,350,000	450,000	-	900,000
265	FAFBIU23098	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	1,350,000	400,000	-	950,000
266	FAFBIU23134	Hồ Ngọc Quý	1,350,000	1,500,000	612,012	462,012
267	FAFBIU23168	Trần Lê Khánh Trang	1,350,000	400,000	(13,512)	936,488
268	FAFBIU23179	Phạm Minh Tuấn	1,350,000	1,350,000	884,520	884,520

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ	
269	FAFBIU23209	Nguyễn Trường	Phát	1,350,000	1,400,000	967,621	917,621
270	FAFBIU23019	Nguyễn Thạc Linh	Chi	1,350,000	1,350,000	884,520	884,520
271	FAFBIU23159	Nguyễn Trần Đức	Thuận	1,350,000	-	-	1,350,000
272	FAFBIU23020	Phan Nguyễn Linh	Chi	1,350,000	1,180,937	823,937	993,000
273	FAFBIU23044	Văn Công Khải	Hưng	1,350,000	1,290,205	939,205	999,000
274	FAFBIU23125	Phạm Hoàng	Phúc	1,350,000	1,500,000	700,280	550,280
275	FAFBIU23208	Võ Hạo	Nhiên	1,350,000	1,350,000	173,420	173,420
276	FAFBIU24063	Hà Thị	Huyền	2,850,000	300,000	(1,585,600)	964,400
277	FAFBIU24177	Nguyễn Thị Như	Ý	2,850,000	1,585,000	(754,962)	510,038
278	FAFBIU24017	Đào Gia	Bảo	2,850,000	2,817,000	(104)	32,896
279	ENENIU19054	Trần	Hữu	650,000	-	-	650,000
280	ENENWE20082	Nguyễn Võ Nhật	Thu	29,700,000	-	-	29,700,000
281	ENENWE21273	Hồ Hoàng Quỳnh	Như	32,400,000	31,650,000	20,057	770,057
282	ENENWE21343	Trần Nguyên	Khánh	21,150,000	21,150,000	884,520	884,520
283	ENENWE21353	Nguyễn Thuỳ	Linh	15,000,000	14,115,480	-	884,520
284	ENENWE21316	Trần Mai Quỳnh	Anh	29,700,000	-	(414)	29,699,586
285	ENENIU21068	Tiêu Phúc	Tài	1,350,000	786,780	(52,960)	510,260
286	ENENIU22106	Lưu Gia	Linh	5,800,000	5,800,000	146,740	146,740
287	ENENIU22143	Trương Thị Vân	Anh	5,800,000	5,000,000	(29,842)	770,158
288	ENENIU22118	Dương Phú Hồng	Lĩnh	5,800,000	5,800,000	200,100	200,100
289	ENENWE23061	Nguyễn Thái Phương	Huỳnh	1,350,000	1,128,870	-	221,130
290	ENENWE23080	Nguyễn Phương	Quỳnh	6,150,000	6,500,000	555,543	205,543
291	ENENIU23047	Huỳnh Thị Trang	Nghiêm	1,350,000	-	(487,625)	862,375
292	ENENIU23019	Lê Thị Thu	Hà	1,350,000	1,500,000	252,505	102,505
293	ENENIU23056	Hồ Mai Tuyết	Như	1,350,000	-	(663,390)	686,610
294	ENENIU24034	Lê	Hoàng	275,000	-	-	275,000
295	ENENIU24076	Đỗ Vũ Sỹ	Nguyên	275,000	-	-	275,000
296	IEIEIU20057	Nguyễn Đức	Huy	5,800,000	-	-	5,800,000
297	IEIEIU20067	Huỳnh Vịnh	Nghi	5,800,000	5,800,000	435,460	435,460
298	IEIEIU20125	Trần Ngô Anh	Huy	5,800,000	6,000,000	923,918	723,918
299	IEIEIU20123	Nguyễn Ngọc	Thạch	4,350,000	-	130,862	4,480,862
300	IEIEIU21096	Phạm Khánh	Duy	7,250,000	7,000,000	645,649	895,649
301	IEIEIU21032	Huỳnh Ngọc Hoàng	Nghĩa	275,000	-	-	275,000
302	IEIEIU21054	Nguyễn Hồng	Đào	8,700,000	8,700,000	200,100	200,100
303	IEIEIU21089	Nguyễn Hoàng Thái	Công	275,000	-	(716)	274,284
304	IEIEIU21134	Đỗ Ngọc Như	Thảo	14,150,000	14,000,000	-	150,000
305	IEIEIU21171	Trần Hoàng	Việt	14,150,000	14,500,000	852,082	502,082
306	IEIEIU21132	Nguyễn Hữu	Thắng	3,300,000	2,959,800	-	340,200
307	IEIEIU22121	Nguyễn Phương	Trinh	4,250,000	4,200,000	408	50,408

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ
308	IEIEIU23014	Trần Minh Huy	4,250,000	4,348,000	982,999	884,999
309	IEIEIU23051	Nguyễn Gia Minh	4,250,000	4,250,000	884,520	884,520
310	IEIEIU23044	Tạ Minh Đăng	4,250,000	-	-	4,250,000
311	IEIEIU24051	Huỳnh Trương Sinh	3,262,500	2,262,000	(19,502)	980,998
312	IEIEIU24037	Lê Đăng Khoa	687,500	-	-	687,500
313	IELSIU19238	Nguyễn Hoàng Phúc	9,250,000	9,300,000	201,134	151,134
314	IELSIU21253	Bùi Quốc An	10,150,000	10,000,000	5,648	155,648
315	IELSIU21266	Đặng Lan Chi	1,100,000	1,500,000	906,543	506,543
316	IELSIU21313	Dư Hoàng Lan	6,550,000	5,500,000	(68,694)	981,306
317	IELSIU21320	Đinh Tấn Lộc	4,900,000	4,900,000	266,800	266,800
318	IELSIU21331	Nguyễn Như Sương Nghi	10,700,000	10,700,000	867,160	867,160
319	IELSIU21290	Phạm Nguyễn Như Hân	4,350,000	4,350,000	936,090	936,090
320	IELSIU21350	Lê Quang Quỳnh Như	3,312,500	3,112,500	-	200,000
321	IELSIU22242	Vũ Thị Ngân Hà	8,700,000	8,700,000	40,000	40,000
322	IELSIU22306	Trần Nguyễn Ý Nhi	4,350,000	4,300,000	22,151	72,151
323	IELSIU22351	Nguyễn Thị Minh Tâm	4,625,000	4,625,000	396,900	396,900
324	IELSIU22295	Nguyễn Duy Nhân	687,500	-	(4,294)	683,206
325	IELSIU23050	Lê Nhật Long	1,350,000	1,256,574	-	93,426
326	IELSIU23067	Đặng Bùi Yến Nhi	4,250,000	4,250,000	82,390	82,390
327	IELSIU23072	Dương Ngọc Phong	4,250,000	3,700,000	(468,464)	81,536
328	IELSIU23013	Võ Minh Chi	4,250,000	-	(3,804,122)	445,878
329	IELSIU23020	Huỳnh Thị Uyên Giang	4,250,000	4,000,000	-	250,000
330	IELSIU23036	Quản Trọng Nguyên Khang	4,250,000	-	(4,000,000)	250,000
331	IELSIU23047	Ngô Phạm Yến Linh	4,250,000	3,400,000	(2,107)	847,893
332	IELSIU23108	Lê Phạm Phương Vy	4,250,000	-	(3,588,660)	661,340
333	IELSIU24194	Nguyễn Trần Khánh Vy	3,262,500	2,500,000	-	762,500
334	IELSIU24072	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	687,500	-	-	687,500
335	IELSIU24104	Nguyễn Hoàng Nghĩa	687,500	-	-	687,500
336	IELSIU24126	Nguyễn Trường Phát	687,500	-	-	687,500
337	ITCSIU21239	Nguyễn Quốc Trạng	14,775,000	14,800,000	966,018	941,018
338	ITCSIU22022	Huỳnh Văn Quang Chiến	550,000	-	(14,478)	535,522
339	ITCSIU22225	Nguyễn Minh Phúc	5,800,000	4,810,000	-	990,000
340	ITCSIU22081	Nguyễn Phát Lợi	375,000	-	(54,584)	320,416
341	ITCSIU22256	Hoàng Ngọc Quỳnh Anh	5,800,000	5,259,730	-	540,270
342	ITCSIU22284	Huỳnh Chung Duy Thức	6,075,000	6,075,000	893,840	893,840
343	ITCSIU22169	Ngô Minh Ý	8,975,000	8,975,000	894,173	894,173
344	ITCSIU22264	Hà Thực Anh	4,350,000	4,400,000	959,246	909,246
345	ITCSIU22273	Nguyễn Nhật Huy	6,075,000	6,075,000	920,520	920,520
346	ITCSIU22293	Trần Nhật Minh	275,000	-	266,800	541,800

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ
347	ITCSIU23009	Trịnh Quốc Hoàng	1,350,000	1,300,000	-	50,000
348	ITCSIU23010	Nguyễn Đức Huy	1,350,000	1,350,000	200,100	200,100
349	ITCSIU23018	Phạm Anh Khôi	1,350,000	1,350,000	884,520	884,520
350	ITCSIU23035	Hoàng Ân Thiên	1,350,000	1,350,000	680,400	680,400
351	ITDSIU18044	Phan Hồ Hoàng Phước	5,800,000	-	-	5,800,000
352	ITDSIU19027	Trương Đăng Khoa	275,000	-	-	275,000
353	ITDSIU20095	Bùi Quang Khải	4,350,000	-	-	4,350,000
354	ITDSIU21109	Trần Bảo Phúc	4,350,000	3,352,000	-	998,000
355	ITDSIU21100	Trần Xuân Mạnh	10,150,000	9,500,000	-	650,000
356	ITDSIU22143	Phạm Hoài Nhật Nam	275,000	-	109,670	384,670
357	ITDSIU22159	Nguyễn Thiện Thành	687,500	-	-	687,500
358	ITDSIU22174	Nguyễn Tiến Dương	412,500	-	-	412,500
359	ITDSIU23012	Nguyễn Phan Hải Lâm	1,350,000	1,350,000	133,271	133,271
360	ITITI18016	Nguyễn Gia Bảo	1,350,000	-	(960,988)	389,012
361	ITITI18278	Nguyễn Văn Hào	12,975,000	12,975,000	830,084	830,084
362	ITITI18055	Đặng Đình Khang	15,950,000	13,500,000	(1,932,914)	517,086
363	ITITI18300	Lê Việt Khôi	4,350,000	4,350,000	53,360	53,360
364	ITITWE20032	Nguyễn Tuấn Kiệt	11,250,000	-	(10,712,486)	537,514
365	ITITWE20011	Bằng Xuân Duy	12,300,000	-	-	12,300,000
366	ITITWE20001	Nguyễn Hoàng Bảo Phúc	16,400,000	16,400,000	884,520	884,520
367	ITITI20157	Nguyễn Tấn Anh	1,100,000	-	(367,279)	732,721
368	ITITI20176	Lê Trọng Đại	1,350,000	1,335,914	985,914	1,000,000
369	ITITI21157	Nguyễn Duy Ánh	4,625,000	4,620,000	992,590	997,590
370	ITITI21107	Nguyễn Minh Thông	375,000	-	-	375,000
371	ITITI21248	Đỗ Xuân Nam	10,150,000	9,700,000	-	450,000
372	ITITI21250	Trần Quốc Nam	4,350,000	4,259,520	-	90,480
373	ITITI21300	Trần Khánh Tài	4,900,000	5,000,000	412,593	312,593
374	ITITI21343	Lê Hoàng Vĩ	4,350,000	4,350,000	240,120	240,120
375	ITITI21077	Trần Lê Mạnh	4,725,000	4,191,326	-	533,674
376	ITITI21176	Nguyễn Hoàng Định	375,000	-	16,282	391,282
377	ITITI21261	Huỳnh Phạm Trung Nguyên	6,075,000	6,050,000	(10,079)	14,921
378	ITITI21339	Trần Nguyễn Anh Tuấn	5,800,000	5,800,000	507,120	507,120
379	ITITWE22124	Trần Võ Thế Vinh	16,400,000	16,300,000	3,600	103,600
380	ITITWE22126	Nguyễn Trung Tín	19,550,000	18,700,000	-	850,000
381	ITITWE22135	Võ Gia Kiệt	19,550,000	18,600,000	(13,238)	936,762
382	ITITWE22134	Lê Bá Khánh Hoàng	12,350,000	11,450,000	-	900,000
383	ITITI22164	Nguyễn Minh Trí	550,000	-	186,760	736,760
384	ITITI22240	Đàm Nguyễn Trọng Lễ	4,625,000	4,000,000	20	625,020
385	ITITI22185	Hoàng Nguyên Vương	11,600,000	11,600,000	999,362	999,362

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HPHK	ĐÃ ĐÓNG	NỢ CŨ	CÒN NỢ	
386	ITITWE23026	Nguyễn Duy	Phước	1,350,000	1,350,000	737,100	737,100
387	ITITWE23042	Trần Lê Minh	Quân	6,150,000	5,159,000	-	991,000
388	ITITIU23037	Lê Đình Thanh	Phương	1,350,000	-	(779,631)	570,369
389	ITITUN23004	Phạm Thiện	Nhân	1,350,000	-	-	1,350,000
390	MAMAIU20036	Nguyễn Xuân	Huỳnh	4,350,000	4,200,000	782,810	932,810
391	MAMAIU21071	Nguyễn Thọ	Huỳnh	7,100,000	-	884,485	7,984,485
392	MAMAIU21092	Hoàng Ngọc Uyên	Nhi	5,000,000	4,002,000	(805)	997,195
393	MAMAIU21095	Nguyễn Hoàng	Phong	4,350,000	4,100,000	32,116	282,116
394	MAMAIU22066	Đặng Khánh	Huyền	5,725,000	4,840,480	-	884,520
395	MAMAIU22088	Bùi Gia	Thơ	11,375,000	-	-	11,375,000
396	MAMAIU22147	Nguyễn Phương	Uyên	2,475,000	2,315,000	-	160,000
397	MAMAIU22151	Lê Duy Minh	Công	5,037,500	5,037,500	396,900	396,900
398	MAMAIU22153	Nguyễn Trường	An	550,000	-	(906)	549,094
399	MAMAIU22100	Phạm Văn	Nam	4,350,000	4,300,000	(11,638)	38,362
400	MAMAIU23035	Phan Văn	Long	1,350,000	-	(10,612)	1,339,388
401	MAMAIU23039	Phan Huỳnh	Ngân	1,350,000	1,350,000	907,117	907,117
402	MAMAIU23067	Trần Thị Thảo	Vân	1,350,000	1,100,000	-	250,000
403	MAMAIU23009	Phạm Mỹ Đức	Anh	1,350,000	-	-	1,350,000
404	SESEIU23014	Võ Thành Nguyên	Giáp	1,350,000	-	(40,594)	1,309,406
405	SESEIU24006	Phan Trần Tấn	Đạt	687,500	-	(84,670)	602,830